

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚC THỌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 - 4 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Tuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Hữu Tình và bà Đỗ Thị Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 13/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Tiến C**, sinh năm 1994. Nơi thường trú: Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội; có mặt

**- Bị đơn:** Chị **Khuất Thị Hồng T**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của anh Nguyễn Tiến C là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Khuất Thị Hồng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội ngày 03/4/2014. Sau khi cưới, chị T về gia đình nhà anh làm ăn chung sống và phát triển kinh tế chung trong gia đình. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn do không tìm

thấy tiếng nói chung trong mọi việc trong gia đình. Ngày 15/12/2021 anh vi phạm pháp luật và bị công an huyện T, thành phố Hà Nội bắt tạm giam. Trong thời gian này chị T đã bỏ về gia đình mẹ đẻ, các con chị để lại cho mẹ anh nuôi dưỡng. Trong suốt thời gian anh đi chấp hành án chị T không thăm hỏi gì anh và cũng không về nhà chăm sóc các con. Đến năm 2023 anh chấp hành án xong, nhiều lần anh gọi chị T về nhưng chị T không về. Anh và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh làm đơn xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/7/2014 và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 19/7/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm cơ khí, mỗi tháng thu nhập được khoảng 12 triệu đồng. Ba bố con anh đều đang sống cùng nhà với mẹ anh. Mẹ anh còn khỏe mạnh có thể hỗ trợ thêm cho anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Bị đơn là chị Khuất Thị Hồng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật.

\* Mẹ đẻ chị T là bà Khuất Thị C1 trình bày: Năm 2014 chị T kết hôn với anh C. Sau khi cưới, chị T về nhà anh C làm ăn chung sống, phát triển kinh tế chung. Do anh C nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ khi anh C bị bắt, chị T đã về ở với bà. Hiện nay, chị T đang đi làm ở dưới trung tâm Hà Nội, ngày nghỉ chị T mới về nhà. Chị T đã biết anh C làm đơn xin ly hôn chị nhưng do bận đi làm nên chị không về Tòa án được. Chị có thông tin lại với bà, chị đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống của hai vợ chồng, đồng ý để anh C nuôi dưỡng 02 con chung. Khi nào chị có điều kiện về kinh tế hoặc khi anh C lấy vợ chị sẽ làm đơn xin thay đổi nuôi con.

\* Chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn vợ chồng anh C chung sống, phát triển kinh tế tại địa phương. Theo thông tin từ gia đình anh C và nắm bắt tình hình dân cư tại địa phương, khi anh C đi chấp hành án, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Anh C, chị T đang sống ly thân. Anh C có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Anh C đề nghị Hội đồng xét xử cho anh được ly hôn chị T và chấp nhận cho anh được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tiến C. Anh Nguyễn Tiến C được ly hôn chị Khuất Thị Hồng T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/7/2014 và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 19/7/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T. Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến C xin ly hôn chị Khuất Thị Hồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện P và quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến C và chị Khuất Thị Thu T1 xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội ngày 03/4/2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh C và chị T1 chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm kinh tế. Anh C vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án 02 năm nên chị T1 đã về gia đình mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh C xác định không còn tình cảm vợ chồng và xin được ly hôn chị T1. Chị T1 đã biết anh C xin ly hôn và Tòa án đang giải quyết vụ án. Chị bận việc nên không đến Tòa án giải quyết được. Chị đồng ý ly hôn anh C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T1 không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh C xin ly hôn chị T1 là có căn cứ.

Về con chung: Anh C, chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/7/2014 và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 19/7/2016. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với anh C. Cháu M, cháu G mong muốn được với anh C. Ly hôn, anh

C nhận nuôi cả 02 con. Xét thấy, từ khi anh C chi T1 ly thân, anh C chăm sóc 02 con chung khỏe mạnh, chăm ngoan. Chị T1 thừa nhận chị chưa có điều kiện kinh tế để nuôi con trong thời gian này. Vì vậy, giao 02 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T1

Về tài sản chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Hồ sơ không có ý kiến của chị T1 về các quan hệ này. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tiến C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến C được ly hôn chị Khuất Thị Hồng T.

1.2. Về con chung: Anh C, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/7/2014 và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 19/7/2016.

Giao cháu Nguyễn Đức M và cháu Nguyễn Hương G cho anh Nguyễn Tiến C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có yêu cầu mới. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

1.4. Về tài sản chung: Không giải quyết

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0013095 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo qui định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ;  
(số 29- ngày 03/7/2014)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Xuân Tuấn**